TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 14 - 01 - 2022.
V/v ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Phượng.

Bà Bùi Thị Mỹ Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thạch Phương T , sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp R, xã T huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ Nhi, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 25/10/2021 và đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 11/01/2022 ông Thạch Phương T trình bày: Ông Thạch Phương T và bà Trần Thị Mỹ N tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 25/5/2016. Sau kết hôn ông T và bà N chung sống hạnh phúc tại ấp R, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, đến ngày 04/6/2016 bà N tự ý bỏ về nhà cha mẹ bà N tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, chấm dứt đời sống vợ chồng, không qua lại với nhau. Ông Thạch Phương T với bà Trần Thị Mỹ N sống ly thân từ tháng 06 năm 2016 cho đến nay, sau khi sống ly thân thì ông T và bà N không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình chung sống ông Thạch Phương

T với bà Trần Thị Mỹ N không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông Thạch Phương T yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Mỹ N; về con chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông T không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ N: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà N, nhưng bà N không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà N 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng bà N vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn bà Trần Thị Mỹ N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ N chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Trần Thị Mỹ N và ông Thạch Phương T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Thạch Phương T; về con chung không có nên ông T không yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 25/10/2021, nguyên đơn ông Thạch Phương T trình bày: Ông và bà Trần Thị Mỹ N tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 25/5/2016. Ông yêu cầu xin được ly hôn với bà Trần Thị Mỹ N, về con chung không có nên không yêu cầu gì, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "Ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn bà Trần Thị Mỹ N hiện đang cư trú tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn Ông Thạch Phương T và bị đơn bà Trần Thị Mỹ N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa; ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà N vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T và bà N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, ông Thạch Phương T và Bà Trần Thị Mỹ N tự nguyện kết hôn và được được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 72, ngày 25/5/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến ngày 04/6/2016 do bất đồng trong quan điểm sống, không hợp nhau nên bà N tự ý bỏ về nhà cha mẹ bà N tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, chấm dứt đời sống vợ chồng, không qua lại với nhau, không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân từ ngày 04/6/2016 cho đến nay và sau khi sống ly thân thì ông T và bà N không gặp nhau, không thể hàn gắn tình cảm. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông T và và N đoàn tụ với nhau nhưng bà N vẫn vắng mặt và ông T vẫn kiên quyết ly hôn với bà N vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng ông T và bà N đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của ông T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà N.

[4] Về con chung: Ông Thạch Phương T xác định trong thời gian chung sống, ông T và bà Trần Thị Mỹ N không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thạch Phương T xác định trong thời gian chung sống ông T và bà Trần Thị Mỹ N không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Ông Thạch Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Mỹ N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228,

khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thạch Phương T .

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Thạch Phương T được ly hôn với bà Trần Thị Mỹ N.

1.2. Về con chung: Ông Thạch Phương T xác định trong thời gian chung sống, ông T và bà Trần Thị Mỹ N không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Thạch Phương T xác định trong thời gian chung sống ông T và bà Trần Thị Mỹ N không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch Phương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003217 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, ông Thạch Phương T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Mỹ N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện L;
- UBND xã T, huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Ánh